

**ECOLOGICAL ETHICS: TRAUMA
AND HEALING IN CONTEMPORARY
VIETNAMESE CHILDREN'S
LITERATURE**

Tran Thi Anh Nguyet

*The University of Danang - University of
Science and Education, Danang, Vietnam*

*Coessponding author: Tran Thi Anh Nguyet,
e-mail: ttanguyet@ued.udn.vn

Received August 18, 2025.

Revised December 09, 2025.

Accepted February 25, 2026.

**ĐẠO ĐỨC SINH THÁI:
CHẤN THƯƠNG VÀ CHỮA LÀNH
TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM
ĐƯƠNG ĐẠI VIẾT VỀ THIẾU NHI**

Trần Thị Ánh Nguyệt

*Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng,
Đà Nẵng, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Trần Thị Ánh Nguyệt,
e-mail: ttanguyet@ued.udn.vn

Ngày nhận bài: 18/8/2025.

Ngày sửa bài: 09/12/2025.

Ngày nhận đăng: 25/2/2026.

Abstract. Children are among the most vulnerable groups in society and often suffer harm from multiple directions in an unstable world. With their innocence and emotional sensitivity, they frequently turn to animals and plants as companions for healing their wounds. By listening to and interacting with the natural world, children also contribute to the creation of a humane ecological environment which forms an important foundation for human life. Drawing on trauma theory and ecocriticism, this article examines the intricate relationship between trauma, ecology, and language, in which fragile children often fall into a state of “speechlessness.” At the same time, we examine the phenomenon of “double trauma,” whereby emotional loss intersects with ecological collapse, leaving children isolated and disconnected. From this perspective, the article highlights the importance of cultivating ecological ethics as a means of healing, thereby enabling humanity to live in greater peace and fulfillment.

Keywords: ecotrauma, eco-ethics, healing, children's literature, Vietnamese contemporary prose.

Tóm tắt. Trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương và thường phải chịu tổn hại từ nhiều phía trong một xã hội đầy bất ổn. Với tâm hồn thuần khiết, ngây thơ, sáng trong, các em thường tìm đến loài vật và cỏ cây như những người bạn để chữa lành nỗi đau. Biết lắng nghe tiếng muôn vật để đối thoại với nó, trẻ em cũng tạo ra một môi trường sinh thái nhân văn làm nền tảng cho sự sống của nhân loại. Vận dụng lí thuyết chấn thương kết hợp với phê bình sinh thái bài viết chỉ ra mối liên hệ giữa chấn thương, sinh thái và ngôn ngữ, nơi những đứa trẻ yếu đuối thường rơi vào tình trạng “mất lời”. Đồng thời, chúng tôi phân tích hiện tượng “chấn thương kép”, khi sự mất mát về tình cảm cộng hưởng với sự đổ vỡ sinh thái, khiến trẻ em rơi vào trạng thái cô đơn và bơ vơ. Từ đó, bài viết khẳng định sự cần thiết của việc kiến tạo đạo đức sinh thái như một con đường để chữa lành, giúp con người hướng đến đời sống an nhiên và hạnh phúc.

Từ khóa: chấn thương, đạo đức sinh thái, chữa lành, văn học thiếu nhi, văn xuôi Việt Nam đương đại.

1. Mở đầu

Chấn thương (trauma) là thuật ngữ được đề ra bởi bác sĩ người Anh - John Erisson vào những năm 1860. Những khủng hoảng tâm lí từ hai cuộc chiến tranh đã khiến các nhà tâm lí học, các bác sĩ tâm thần quay trở lại với việc lí giải những chấn động tâm lí từ góc độ vô thức của S. Freud.

Phê bình chấn thương cũng thường xuyên dẫn ra các nghiên cứu của ông bởi “Freud dùng văn học để mô tả kinh nghiệm chấn thương thì đó là vì văn học giống như phân tâm học, chú ý đến mối quan hệ phức tạp giữa sự biết và sự không biết” [1]. Sự giao cắt giữa văn học và nghiên cứu chấn thương được các nhà lí thuyết chấn thương lí giải như một quá trình trong đó văn học, với tư cách là câu chuyện, là lời, và là sự hiện diện cảm thông trước nỗi đau, trở thành nhân chứng và đồng thời là phương tiện xoa dịu. Nói cách khác, “chấn thương chôn ngòi cho tự sự, và các tự sự đến lượt mình trở thành địa điểm của chấn thương, là chiến trường nơi sự chịu đựng và kí ức gặp gỡ nhau” [2]. Nếu như những nghiên cứu chấn thương đầu tiên tập trung vào các tổn thương tâm lí của cá nhân và cộng đồng sau chiến tranh, diệt chủng như nghiên cứu của Geoffrey Hartman *Hồi tưởng Holocaust: Bóng hình của kí ức* [3], hay như đề xuất của Cathy Caruth trong cuốn sách *Chấn thương, những khám phá về kí ức*, rằng chấn thương không được trải nghiệm trọn vẹn ở hiện tại mà quay trở lại dưới dạng ám ảnh [4]. Lí thuyết chấn thương bước đầu cũng đã được giới thiệu ở Việt Nam với các tác giả như Cathy Caruth, Geoffrey Hartman, Qiong Xie, Karen Thornber, tuy nhiên, hầu hết các giới thiệu chỉ ở các bài báo ngắn [5] hoặc ở các blog cá nhân [1], [2]. Trong bối cảnh khủng hoảng môi trường và biến đổi khí hậu hiện nay, phạm vi của chấn thương đã được mở rộng, “chấn thương sinh thái” (ecotrauma) chỉ những tổn thương tinh thần, đạo đức và cộng đồng bắt nguồn từ sự suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và đổ vỡ mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, như Tina Amorok chỉ ra trong *Chấn thương sinh thái và sự phục hồi sinh thái của sự tồn tại*: “Nguyên nhân cốt lõi của bạo lực giữa con người với thiên nhiên và giữa con người với con người. Đây chính là chấn thương sinh thái của tồn tại và bản chất tuần hoàn của chấn thương và bạo lực. Chữa lành sự thiếu hụt này thông qua việc phục hồi tồn tại sinh thái là một quá trình thiết yếu trong quá trình chuyển hóa ý thức con người cá nhân và tập thể. Không nhận thức được sự hiện diện thiêng liêng của thiên nhiên và không trải nghiệm bản thân như một sự kết nối với sự sống có thể được coi là mối đe dọa lớn nhất mà Trái đất đang phải đối mặt ngày nay” [6, p. 29]. Tuyển tập các bài nghiên cứu *Phim về chấn thương sinh thái* do Anil Narine biên tập đã phân tích các vấn đề môi trường được trình hiện như thế nào trên phim tài liệu, phim điện ảnh “một trái đất bị tổn thương sẽ sinh ra những con người bị tổn thương” [7, p. 13]. Các nhà nghiên cứu văn học trẻ em cũng dành những mối quan tâm đến lí thuyết sinh thái vì tính giáo dục và tính tương lai khi Kimberly Reynolds đề cập đến “trạng thái hiện tại của chính trị môi trường”, “thảm kịch - sinh thái” [8, p. 163].

Tại Việt Nam, hướng phê bình chấn thương bắt đầu được tiếp nhận và vận dụng chủ yếu trong nghiên cứu văn học chiến tranh và hậu chiến, tập trung vào các biểu hiện của ký ức tập thể, mất mát và ám ảnh lịch sử như bài viết *Từ trường hợp Đoàn Minh Phượng, nghĩ về văn học chấn thương Việt Nam và quan điểm nghiên cứu* của Lê Tú Anh [9], *Chấn thương kép trong Thân phận của tình yêu của Bảo Ninh* của Cao Kim Lan [10]... Gần đây, phạm vi nghiên cứu đã mở rộng ra văn học di dân như “*Chấn thương di dời*” trong một số truyện ngắn Việt Nam hải ngoại sau 1975 của Đỗ Phương Lan [11], *Hoài niệm và căn tính của cộng đồng di dân Việt Nam trong tác phẩm của Nguyễn Thanh Việt* của Nguyễn Hồng Anh [12] hay chấn thương và giới như cách Nguyễn Bùi Thiện Nhân, Bùi Thanh Truyền đề cập đến trong *Song đề chấn thương và chữa lành trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ ở Nam Bộ đầu thế kỉ XXI* [13]. Luận án *Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1975 đến nay từ cách đọc chấn thương* của Đặng Hoàng Oanh đã giới thiệu bài bản về lí thuyết chấn thương và phản ánh sự đa dạng trong kinh nghiệm tổn thương trong xã hội đương đại qua việc đọc các tác phẩm văn chương viết về hậu chiến và những chấn thương của xã hội đương đại [14]. Khi nghiên cứu về chấn thương, các nhà nghiên cứu còn ít đặt ra vấn đề chấn thương sinh thái. Tuy nhiên, sau năm 1986, Việt Nam đương đại đối mặt với nhiều vấn đề của nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, phần nào ảnh hưởng đến môi trường. Thiên nhiên, cái tưởng như vĩnh hằng, vĩnh cửu cũng dễ tổn thương. Nghiên cứu về mối quan hệ giữa trẻ em và thiên nhiên, các nhà nghiên cứu không chỉ chú trọng đến mối hòa hợp với tự nhiên, cho rằng trẻ em làm bạn với loài vật, lắng nghe tiếng nói của loài vật vì “Các em cảm nhận thế giới bằng cái nhìn “vật ngã đồng nhất” như trong giáo trình *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi*

mầm non của Lã Thị Bắc Lí [15, p. 9] hay “bầu bạn với hết thầy vạn vật xung quanh có thể lắng nghe được mọi âm thanh của cây cỏ; trò chuyện được với muôn loài ; giao cảm, hòa đồng với thiên nhiên” như trong phần viết về văn học thiếu nhi của Giáo trình *Văn học Việt Nam hiện đại* do Nguyễn Văn Long chủ biên [16, p. 332], hoặc cách Lê Văn Trung “tìm kiếm mối quan hệ giữa tự nhiên và văn hóa, hoang dã và văn minh” trong truyện của Tô Hoài [17, p. 80]... Trong các nghiên cứu về văn học trẻ em các nhà nghiên cứu đã bắt đầu quan tâm đến những trải nghiệm mất mát thiên nhiên. Trịnh Đăng Nguyên Hương nhận ra trẻ em thường loay hoay tự chữa lành bằng việc làm bạn với thiên nhiên [18] và “khi gắn kết với thiên nhiên, con người sẽ thêm giàu có và hạnh phúc, những mất mát lớn lao nhất có thể được chữa lành” [19, p. 341]. Trong bài viết *Giáo dục sinh thái, ký ức chiến tranh và giác quan trải nghiệm thiên nhiên trong văn học thiếu nhi Việt Nam đương đại*, Montira Rato cho rằng “ Mặc dù nhiều vùng nông thôn Việt Nam đã bị biến đổi, đô thị hóa và sự phát triển công nghiệp đã gây ra ô nhiễm và mất cân bằng sinh thái, thiên nhiên không hề biến mất khỏi văn học thiếu nhi Việt Nam”, “văn học vẫn đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền tải ký ức chiến tranh và tình yêu quê hương thông qua thiên nhiên” [20, p. 178]

Bài viết này kết hợp lí thuyết chấn thương và phê bình sinh thái để chỉ ra mối quan hệ giữa tổn thương môi trường, nghèo đói, bạo lực gia đình và tình trạng mất tiếng nói, đồng thời phân tích hiện tượng “chấn thương kép” như là sự cộng hưởng giữa mất mát tinh thần và đổ vỡ sinh thái. Nghiên cứu chỉ ra rằng những chấn thương sinh thái gắn liền với thế giới trẻ thơ không chỉ phản ánh sự đan xen giữa tổn thương cá nhân, xã hội và môi trường (hệ lụy của biến đổi khí hậu, lao động nông nghiệp và bạo lực gia đình), mà còn mở ra khả năng đọc văn học thiếu nhi như không gian đạo đức của sự cảm thông và chữa lành. Từ những kiểu nhân vật trẻ em yếu đuối nhưng nhân hậu, biết yêu thương và che chở thế giới tự nhiên, bài viết khẳng định vai trò của trẻ em như một hình mẫu đạo đức sinh thái (eco-ethics) trong văn xuôi Việt Nam đương đại, qua đó đề xuất hướng tiếp cận mới cho chủ nghĩa nhân văn sinh thái (ecological humanism) trong nghiên cứu văn học.

2. Nội dung nghiên cứu

Perry Nodelman, Maria Nikolajeva, Peter Hunt cho rằng văn học trẻ em không phải chỉ bó hẹp ở các văn bản dành cho thiếu nhi, mà các nhà nghiên cứu đã mở rộng biên độ nghiên cứu với những tác phẩm đa dạng với nhiều quan điểm. Peter Hunt cho rằng văn học thiếu nhi luôn gắn chặt với bối cảnh văn hóa - xã hội và phản chiếu các cấu trúc quyền lực, bất ổn sinh thái và biến động lịch sử [21]. Perry Nodelman với khái niệm “người lớn ẩn giấu” phân tích tính hai mặt của văn học thiếu nhi: bề ngoài dành cho trẻ nhỏ nhưng chất chứa lo âu, định kiến và diễn ngôn của người lớn [22]. Maria Nikolajeva nghiên cứu cách trẻ đọc và hiểu văn bản, nhấn mạnh vào trải nghiệm cảm xúc và nhận thức của trẻ. Bà khẳng định rằng văn học giúp trẻ xây dựng năng lực cảm xúc và đạo đức [23]. Dựa trên khung lí thuyết này bài viết lí giải cách văn học thiếu nhi biểu đạt mối quan hệ giữa chấn thương, sinh thái và khả năng chữa lành. Nghiên cứu khảo sát một số truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam đương đại viết cho và viết về thiếu nhi sau năm 1986, giai đoạn Việt Nam bước vào Đổi mới, mở ra nhiều thay đổi sâu sắc trong nhận thức về con người, tự nhiên và môi trường sống. Đây là thời kỳ mà những vấn đề sinh thái, biến đổi khí hậu, và khủng hoảng giá trị đạo đức được phản ánh đậm nét. Qua thế giới trẻ thơ - những chủ thể vừa yếu đuối vừa có khả năng cảm thông sâu sắc với tự nhiên, các tác phẩm thể hiện rõ trải nghiệm chấn thương và khả năng chữa lành thông qua mối quan hệ giữa trẻ em và thế giới tự nhiên. Nghiên cứu sử dụng kết hợp lí thuyết chấn thương và phê bình sinh thái, vận dụng các phương pháp đọc gần, phân tích chủ đề và phân tích diễn ngôn để chỉ ra những biểu hiện của “mất lời” do chấn thương, ngôn ngữ loài vật và đạo đức sinh thái, từ đó, bài viết làm rõ cách văn học kiến tạo diễn ngôn về chấn thương sinh thái và hành trình chữa lành trong thế giới trẻ thơ.

2.1. Chấn thương, sinh thái và ngôn ngữ

Muôn loài có ngôn ngữ riêng và giao tiếp bằng ngôn ngữ riêng của nó mà “từ xưa chỉ có hai

loại người chỉ biết thứ ngoại ngữ thú vị đó là tiên bụt và trẻ em, và về sau này, thêm các nhà bác học” [24, p. 404]. Trong văn xuôi đương đại Việt Nam, có một số nhân vật lắng nghe tiếng nói lạ thường đó của tự nhiên: chị em Nường, Điền (*Cánh đồng bất tận*, Nguyễn Ngọc Tư) nghe thấy tiếng vịt; em (*Gió lẻ*, Nguyễn Ngọc Tư) có khả năng nói tiếng chim; cô gái tên Rùa (*Ngồi khóc trên cây*, Nguyễn Nhật Ánh) có thể nói chuyện với các loài vật: ngỗng, rắn, khỉ, nai... Dễ nhận thấy, làm bạn với loài vật, lắng nghe tiếng nói của loài vật là trẻ em – những con người gần tự nhiên hơn cả. Bản chất của loài vật là vô tư, hồn nhiên như trẻ nhỏ, vì vậy tìm đến loài vật là tìm về với phần bản tính tự nhiên tốt đẹp của con người. Vậy nên, văn học viết về trẻ em trở lại với motif nói tiếng loài vật: “Một trong những con đường hòa vào thiên nhiên một cách rất bản năng là thông qua ngôn ngữ loài vật. Loài vật đưa con người trở về tuổi thơ một cách tự nhiên, ngây thơ và giàu trí tưởng tượng” [25]. Các nhà phê bình sinh thái nhấn mạnh đến quyền được cất tiếng nói của động vật: “quan điểm coi tự nhiên là câm lặng, không có tiếng nói cũng chủ yếu cho thấy về sự khước từ lắng nghe của chính chúng ta chứ không phải là về năng lực giao tiếp của tự nhiên”, “không đồng nghĩa với việc cho rằng thế giới tự nhiên chỉ là một cái gì hoàn toàn câm lặng” [26, p. 87]. Trong tiểu luận triết học dành cho trẻ nhỏ *Khi con vật nhìn ta*, Elisabeth de Fontenay cho rằng “chúng ta cứ tưởng rằng con vật không có ngôn ngữ vì ta không hiểu những tiếng kêu của chúng” [27, p. 39]. Christopher Manes chỉ trích “Địa vị chủ thể phát ngôn được khư khư ôm giữ như là đặc quyền chỉ dành riêng cho con người” [28, p. 15].

Một số nhân vật phải chịu đựng những bất ổn về mặt tâm lý, không thể giao tiếp với đồng loại nên đi tìm sự đồng cảm trong tự nhiên. Nhân vật em trong *Gió lẻ* (Nguyễn Ngọc Tư) chịu cú sốc tâm lý đầu đời vì mẹ cô tự tử, và em cảm thấy kinh sợ con người vì sớm chứng kiến sự dối trá trắng trợn của đảng sinh thành. Kể từ đó, em từ chối tiếng nói con người vì đó là tiếng nói của dối trá, phản bội, lừa lọc. Anna Gotlib cho rằng “Chấn thương như là một kinh nghiệm được cảm thấy đe dọa đến trạng thái hiện sinh của con người” [2]. Chấn thương tâm lý ở em biểu hiện thành phản ứng của cơ thể bằng cách nôn thốc nôn tháo khi nghe ai đó nói dối. Từ chối giao tiếp với con người, em chọn cách làm bạn với loài vật vì “việc nói chuyện với con này con kia làm giấc ngủ trở nên hấp dẫn và dễ chịu”. Em phát hiện ra ngôn ngữ của con người mới chứa đựng sự tàn nhẫn, dối trá, ngôn ngữ của loài vật không làm đau nhau “không biết trên thế gian này có con chim nào tìm tới cái chết vì tiếng nói của con chim khác? Có con chó nào bỗng dưng đâm đầu vào đá vì tiếng sủa của con chó khác? Có con bò nào nhảy xuống sông tự tử vì tiếng kêu của con bò khác?”. Sau này rong ruổi trên chiếc xe tải Landu với Dữ và “Gã”, em từ chối tiếng nói của con người “vĩnh viễn nói kiêu của chim”, vì “tiếng nói của con vật không dùng để làm tổn thương nhau” [29, p. 147]. Sigmund Freud cho rằng những hành động tiêu cực thường xuyên tái diễn nếu con người trải qua một sự kiện gây sang chấn và khiến cho nhân vật dẫn đến hành động tự hủy, ông gọi đó là *Bản năng chết* (Thanatos) liên quan đến sự hủy diệt, gây ra hành vi tự làm hại bản thân hoặc tự sát [30]. Truyện *Gió lẻ* nhìn bất hạnh của gia đình từ những bạo lực ngôn từ dẫn tới những đau buồn khác mà cô gái nhỏ gánh chịu. Những điều đó tái diễn và vượt ngưỡng chịu đựng của cô, nên mặc dù “nghe” được ý nghĩ trong đầu của Dữ, ý định quặt tay lái để tất cả rơi xuống vực, Em cũng đã không ngăn cản. Ngôn ngữ loài người vì vậy có sức mạnh hủy hoại kinh khủng.

Nường và Điền (*Cánh đồng bất tận*, Nguyễn Ngọc Tư) lớn lên trong bỏ rơi (vì buồn bã với cuộc sống nơi sông nước mẹ đã theo một thương lái), bạo lực (người cha đau khổ vì bị phụ tình đã đưa hai con sống lang thang trên khắp cánh đồng, thường xuyên bạo hành hai đứa trẻ yếu đuối vì chúng giống mẹ, sự hiện hữu của chúng khắc ghi về nỗi đau mà người vợ để lại). Nường và Điền từ chối giao tiếp với con người, nói tiếng vịt để quên đi “nỗi buồn của cõi người”. Bị đẩy vào cô đơn (với thế giới người) của dòng đời đầy bất trắc, không có ai chia sẻ hoặc từ chối chia sẻ với mọi người, trẻ em tìm đến thiên nhiên như một nơi để vơi bớt nỗi trông trái mênh mông. Chấn thương tâm lý khiến hai đứa trẻ trở nên cô độc, chúng lựa chọn nói ngôn ngữ của loài khác. Đó là kiểu tự vệ của hai đứa trẻ thiếu tình yêu thương: “đăm đuổi với loại ngôn ngữ mới, chúng tôi chấp nhận để cho người ta nhìn mình như kẻ điên (miễn là tạm quên nỗi buồn của cõi – người)”. Nỗi đau khiến nhân vật tách ra khỏi đồng loại, chọn giao tiếp với loài vật - trái ngược lại với thế

giới loài người đầy bắt trắc, xảo trá, lọc lừa - để vui bót “chơi với người thấy buồn nên chuyển qua chơi cùng vẹt” [31, pp. 192, 195]. Khi phải từ bỏ thế giới của mình, từ bỏ ngôn ngữ của của đồng loại để đi tìm ngôn ngữ của loài khác, thực ra đó là khi hai đứa trẻ cảm thấy cô đơn khủng khiếp. Nhân vật đã che dấu nỗi đau của mình bằng cách từ chối ngôn ngữ của loài người. Đặt nhân vật trẻ em với cái nhìn thuần khiết, những đối sánh với con người và thế giới tự nhiên, các tác giả nhận ra và phản biện lại với những quan niệm về sức mạnh của ngôn ngữ.

Trong chuyên luận *Kinh nghiệm không được khẳng định, chấn thương, trần thuật và lịch sử*, Cathy Caruth chú ý đến tính không đồng hóa được của chấn thương dẫn đến việc quay trở lại đầy ám ảnh vì chấn thương là bị tổn thương hai lần (the double wound): một lần bởi chính sự kiện chấn thương và một lần nữa bởi sự trở lại muộn màng của trải nghiệm “tự áp đặt trở lại, lặp đi lặp lại, trong những cơn ác mộng và sự tái diễn” [32, p. 3]. Kinh nghiệm chấn thương thường lặp lại, chính xác và dai dẳng. Từ bỏ thế giới người vì nỗi ám ảnh bị bỏ rơi (mẹ bỏ rơi hai đứa trẻ, bỏ bỏ rơi những người phụ nữ mà ông tán tỉnh), hai đứa trẻ làm bạn với vẹt nhưng vẫn không thoát được nỗi đau vì bị bỏ lại. Dịch cúm gia cầm lan rộng khiến đàn vẹt bị tiêu hủy, Nương và Điền chứng kiến cảnh những con vẹt của mình bị chôn sống, cảm thấy đau đớn đến nghẹt thở “tôi nghe vẹt - của - tôi vẫn còn thoi thóp, chúng đau đớn vì những cái cổ gãy, rồi quặt quẹo... cảm nhận được cái thở hướn ngắn dần, ngắn dần của con vật sau cùng” [31, p. 198]. Hai chị em cảm nhận nỗi đau của con vật như nhận ra nỗi đau của đồng loại khi bầy vẹt bị tiêu hủy “Tôi và Điền kêu lên một tiếng buốt, ôi, những bạn - bè của chúng tôi sắp bị chôn sống nữa rồi” [31, p. 196]. Trong tường hợp này, người đọc nhận ra trẻ em và tự nhiên là *Những kẻ khác* (The Others) bị “mất lời”. Nương và Điền không giao tiếp với đồng loại, chỉ có hai chị em và ngôn ngữ của bầy vẹt. Con vẹt cũng chịu bị kịch bị mất tiếng nói. Vì vốn dĩ loài vật có ngôn ngữ nhưng là ngôn ngữ của “kẻ khác”, nó “không thể làm chủ trọn vẹn ngôn ngữ của con người” [33, p. 207]. Những con vẹt bị mất lời, chỉ có ngôn ngữ thân xác thể hiện thông qua hơi thở ngắn dần rồi tắt lịm mà Nương cảm thấy.

2.2. Chấn thương kép

Lauren Woolbright trong luận văn *Hành tinh thương tổn, con người thương tổn: Khả thể của chấn thương sinh thái* đã đề xuất một dạng *chấn thương kép* (double trauma) “trong đó con người gây chấn thương cho các hệ sinh thái, và rồi chính các hệ sinh thái ấy lại trở thành nguồn gây chấn thương đối với con người” [34, p. ii]. Tình thế *chấn thương kép* là sự cộng hưởng giữa chấn thương sinh thái và chấn thương tâm lý. Một mặt, thảm họa môi trường kéo theo mất mát vật chất, sự dịch chuyển và sự sụp đổ của những sinh kế truyền thống. Mặt khác, chấn thương tâm lý bắt nguồn từ sự chia cắt của đứa trẻ khỏi cộng đồng sinh vật. Cái chết của thế giới tự nhiên với loài vật, cây cỏ, côn trùng... - những người bạn ấu thơ là sự mất đi cảm giác thuộc về.

Trẻ em tìm đến loài vật để bầu bạn vì như Jonh Berger phân tích: “Bằng việc tồn tại như sự sống song song bên cạnh con người, những con vật đem lại cho con người một mối quan hệ bạn bè khác biệt hẳn tất cả những gì mà một mối quan hệ qua lại giữa người và người có thể đưa lại. Khác, bởi đó là mối quan hệ thân tình giúp lấp đầy nỗi cô độc của con người trong tư cách một giống loài” [35, p. 182]. Mỗi đứa trẻ thường gắn bó với một hình ảnh thiên nhiên: cháu Quỳnh và con Múc (*Con thú bị ruồng bỏ*, Nguyễn Dậu), Cui và lũ dê (*Sầu trên đỉnh Puvan*, Nguyễn Ngọc Tư), Hiền và lá xạ hương (*Tiếng rừng*, Hiền Phương), cô bé và lá sấu (*Sống mãi với cây xanh*, Nguyễn Minh Châu), Tí "bụi", cô bé, Ngỏ và con chó (*Tí "bụi", Tre nở hoa, Ấi ời ầu...* Quế Hương). Nhân vật bác Hòa (*Ngôi nhà xưa*, Đặng Nhật Minh) đã “không lớn lên”, mãi ở tuổi 13 trong một tai nạn ngã từ cành ôi xuống. Chấn thương như một thái độ khước từ - không lớn để mãi được sống hồn nhiên. Bác Hòa níu giữ tuổi thơ, gắn bó với ngôi nhà, cây cối - cây ôi là tâm hồn, là kí ức ấu thơ không mờ phai. Nhân vật Cosimo trong *Nam tước trên cây* (Italo Calvino) từ chối cách sống quy tắc, đơn điệu, trói buộc của gia đình quý tộc, bằng cách mãi mãi ở trên cây, từ già mất đất như chối từ cuộc sống ngột ngạt của con người. Cậu bé Peter Pan (*Peter Pan*, James Matthew Barrie) mãi mãi không trở thành người lớn, giữ nguyên huyền thoại về ấu thơ trong treo trên hòn đảo Neverland.

Biến đổi khí hậu đã để lại hậu quả tàn khốc lên cộng đồng bản địa vốn có sự gắn bó chặt chẽ với đất đai với đời sống nông nghiệp sống dựa vào tự nhiên. Hạn hán kéo dài (mười hai tháng nắng liên tiếp) buộc các bạn trong làng di cư lên thành phố kiếm sống, Cui (*Sầu trên đỉnh Puvan*, Nguyễn Ngọc Tư) - cậu bé chăn dê - đặt tên lũ dê bằng tên những người bạn và chia sẻ buồn vui với chúng, thậm chí cả khi lũ dê chết cậu vẫn giữ cái đầu lâu dê bên mình. Đối với những đứa trẻ nghèo như Cui và những người nông dân có cuộc sống gắn bó mật thiết với nhịp điệu tự nhiên, sự hủy hoại môi trường không chỉ đồng nghĩa với sự thiếu thốn vật chất mà còn là một cú sốc tinh thần sâu sắc. Truyện ngắn cho thấy gánh nặng bất bình đẳng của sự suy thoái môi trường. Trẻ em, đặc biệt là ở những vùng nông thôn bị gạt ra bên lề, trở thành những nạn nhân lặng lẽ của cuộc khủng hoảng khí hậu. Cái chết của loài vật - nguồn an ủi và bầu bạn của trẻ em - càng làm trầm trọng thêm sự mong manh của chúng. Câu chuyện của Nguyễn Ngọc Tư trở thành một tự sự sinh thái thừa nhận chiều kích cảm xúc của chấn thương sinh thái trong trải nghiệm đời sống của trẻ em.

Ngày hội cuối cùng (Tạ Duy Anh) thể hiện niềm tiếc nuối cay đắng trước thái độ tàn nhẫn không chút cảm thông của con người đối với tự nhiên “Trong sự thanh bình muôn thuở của rừng, tiếng động do đào ủi, chặt phá dội vào vách đá nghe ghê rợn, báo hiệu sự chết chóc” [36, p. 181]. Thông qua lời bác voi, Tạ Duy Anh nhấn mạnh lại về triết lí đơn giản “trời sinh ra muôn loài đều cho sẵn chỗ ở, thức ăn, có sao cứ muốn người khác phải chết để mình được giàu sang”; “phá khu rừng của chúng ta thì rồi họ ở đâu cho yên ổn được?” [36, p. 170]; “phá môi sinh là tự giết chính mình” [36, p. 171]. Ở đây có sự gặp gỡ của ông với Luis Sepulveda trong các câu chuyện *Con mèo dạy hải âu bay*, *Chuyện con ốc sên muốn biết tại sao nó chậm chạp*, người đọc thấy bóng dáng của việc hủy hoại môi sinh đã làm đảo lộn thế giới loài vật như thế nào qua những vết dầu loang trên biển hay con đường rải nhựa cắt qua khu rừng cản bước động vật côn trùng... Câu chuyện của Tạ Duy Anh viết cho thiếu nhi dù nhuộm màu cổ tích, cậu bé đã cầu xin ông nội dừng việc phá hủy ngôi rừng Tuyệt đẹp nhưng hẳn là khi con người đã khởi sự, việc tàn phá khu rừng sẽ chẳng dễ gì dừng lại. Tên truyện *Ngày hội cuối cùng* là gợi ý về một tiếc nuối sâu xa một thế giới cổ tích chỉ còn lại trong kí ức bé thơ.

Hiền Phương (*Tiếng rừng*) nhận thấy vai trò của cây cỏ với tâm hồn: những chiếc lá xạ hương làm cho tuổi thơ của Hiền trở nên đầy màu sắc “cảm thấy giàu có nhất thế gian”, “những chiếc lá đã làm giàu tuổi thơ”. *Tiếng rừng* lấy bối cảnh về một cô gái mà người yêu của cô chết trên chiến trường. Tình yêu của Hiền và anh gắn bó với rừng là những tâm hồn cộng cảm với tự nhiên. “Tình yêu rừng của anh lan tỏa sang tôi, khiến tôi có cảm giác cả rừng, cả thiên nhiên như tan chảy vào tôi. Nó khiến tôi biết tin anh, tin vào chung thủy, tin vào bầu trời, mặt đất cỏ cây - những thứ không bao giờ biết phản bội” [37, p. 22]. Từ khi còn nhỏ anh đã dạy cô bé rằng tiếp xúc với tự nhiên bao giờ cũng khiến cho tâm hồn phong phú rộng rãi. Sau này, bao nhiêu năm cô không hạnh phúc vì cảm thấy linh hồn của anh vẫn còn lẫn khuất. Tiếng của rừng không chỉ là biểu tượng của tình yêu thiên nhiên mà là linh hồn của rừng, linh hồn của mỗi người lính trú ngụ “Rừng là nơi cất giữ kỷ niệm của tuổi thơ và tình yêu, rừng còn là nơi yên nghỉ của những anh hùng liệt sĩ trong các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hãy đừng để rừng biến thành những ngọn đồi trọc lốc, vì đó chẳng những là thảm họa đối với người đang sống mà còn là sự xúc phạm vong linh những người đã khuất” [37, p. 30]. Phá rừng nghĩa là làm đứt gãy mối liên hệ tâm linh ấy. Khi chứng kiến “Xác cây nằm la liệt trên mặt đất. Rừng như một bãi chiến địa ngồn ngộn xác người tử trận. Những thân gỗ chông chéo lên nhau lá cành như những cánh tay co quắp ẻo lả xoài ra trên mặt đất. Người đi đến đâu, rừng lùi sâu đến đó. Những ngọn đồi ô trọc mọc lên như nấm xuân theo sát chân rừng... Lại tiếp đến chiến địa rừng” [37, p. 31] đời sống của Hiền trở nên rối bời. Vì vậy, giữ rừng còn là giữ niềm thanh thản trong đời sống tâm linh, phá rừng sẽ chạm vào nỗi bất an trong mối quan hệ với tâm linh - cây cỏ. Sự mất mát vùng sinh thái, những câu chuyện về làng Cà Tang hạ của Nguyễn Minh Sơn (*Con chó Nhứt của hội săn làng Xoài dổi, Bông mua trắng, Con trâu xanh, Lãnh địa mèo rừng...*) được nhìn qua lăng kính của những đứa trẻ mục đồng gắn với không gian rừng núi đã mất đi cảnh quan quen thuộc “những địa danh trong truyện đã chìm sâu dưới mực nước lòng hồ” nhuộm một vẻ huyền thoại, tưởng tượng và huyền bí về

vùng rừng núi hoang dã đầy hoài niệm.

Chấn thương tâm lý do bạo lực là một vấn đề nhức nhối trong các gia đình theo mô hình gia trưởng Đông phương, nơi cấu trúc xã hội văn hóa mà quyền lực tập trung vào nam giới với các chuẩn mực tôn ti phụ quyền. Truyện ngắn *Ái là âu?* (Quế Hương) viết về nỗi cùng cực của một gia đình có người đàn ông nát rượu, người vợ làm công việc cực khổ nhất rác nuôi con nhỏ rồi bị tai nạn chết trên đường để lại hai đứa trẻ đáng thương. Câu chuyện xoay quanh tình cảnh một con chó nhỏ bị đánh cắp và hai đứa trẻ. Chả Chìa, trước hết là con vật người cha ăn cắp, sau nữa, con vật này có số phận giống như hai đứa trẻ, bị người đàn ông tước ra khỏi bầu sữa ấm êm của chó mẹ cũng như con Ngổ mất mẹ khi nó còn quá bé. Con vật nhớ mẹ, con Mơ chăm sóc nó với một tình cảm đầy tính mẫu : “Con cún rúc đầu vào lòng con Mơ. Nó túm được chéo áo con bé và khất khao mút chùn chụt. Nó nhớ da diết bầu vú căng sữa và bộ lông ấm mềm của mẹ. Nó vừa bú áo vừa ư ử khóc...” [38, p. 113]. Tình cảnh của con chó đáng thương cũng giống như tình cảnh mồ côi của hai chị em. Người cha không để tâm đến tình yêu của hai đứa trẻ với loài vật, đã giết thịt con chó. Qua cách đối xử của người đàn ông với gia đình nhỏ và con chó, tác giả cho thấy một tình cảnh đầy áp bức và bất công trong gia đình. Người mẹ mất lời vĩnh viễn. Hai đứa nhỏ với những chấn thương tâm lý cũng bị mất lời. Người bố không quan tâm đến lời của những người khác: những tiếng khóc của đứa trẻ mất mẹ không chạm đến cha chúng, những tiếng kêu ư ử đáng thương của con chó càng không được lắng nghe. Bằng cách bóc tách số phận của người phụ nữ, trẻ em và động vật bị gạt ra ngoài lề Quế Hương phơi bày về một thực tế bất công sinh thái chồng chéo lên những bất công xã hội của các chấn thương: vừa là chấn thương lặp lại tái diễn (the double wound) như đề xuất của Cathy Caruth vừa có chấn thương sinh thái kép (ecological double trauma) mà Lauren Woolbright đề ra. Tự sự sinh thái về chấn thương bạo lực gia đình kèm theo tổn thương dai dẳng: sự kiện đau buồn mất mẹ tái diễn lại qua cảm giác mất mát khi con chó bị giết bởi sự vô tâm và độc đoán của người lớn/ người đàn ông/ kẻ làm chủ áp bức lên kẻ yếu dưới cái bóng áp chế đầy bạo lực của mô hình gia trưởng.

Những câu chuyện của văn học trẻ em khám phá những tổn thương tâm lý và xã hội thường phát sinh từ việc đối xử với vật nuôi, mất mát hệ sinh thái, biến đổi khí hậu gắn liền với các câu chuyện về sự suy thoái môi trường và những mối đe dọa môi trường hiện hữu hoặc tiềm tàng. Trước những bất hạnh của cuộc đời, trẻ em thường nguôi ngoai bằng cách làm bạn với cỏ cây, động vật, côn trùng... Thế nhưng thế giới tự nhiên đang bị đe dọa: “Đồng cỏ bạn đang dạo chơi một ngày kia sẽ biến mất. Dòng sông bạn đang tắm một ngày kia sẽ biến mất. Tiếng chim hót ban mai một ngày kia sẽ biến mất” [39, p. 160]. Vì vậy đối diện với chấn thương kép, nỗi bất hạnh do vậy tăng lên và đáng buồn hơn, những đứa trẻ thường là những thân phận bé nhỏ, yếu ớt bên lề như là số phận sinh linh tự nhiên. Câu hỏi trang nghiêm mà những nhà nhân văn đặt ra là: làm thế nào để bảo vệ tự nhiên và trẻ nhỏ trước chấn thương? Vậy nên chữa lành những chấn thương không chỉ thể hiện ở việc lên án những vấn đề thuộc về nam tính độc hại của nền văn hóa gia trưởng và sự phân chia thể giới mang tính đối đầu con người/ tự nhiên của tư duy nhị nguyên mà còn hình thành một đạo đức mới cho chủ nghĩa nhân văn sinh thái.

2.3. Đạo đức sinh thái

Trước những khủng hoảng về môi trường, trước sự biến mất của nhiều loài sinh vật những người bạn ấu thơ dần rời đi. Nếu chúng ta mong muốn về một thế giới an toàn cho trẻ nhỏ, việc bảo vệ hệ sinh thái cần được đặt ra một cách cấp thiết. *Đạo đức sinh thái* (ecological ethics) là ý niệm mà Aldo Leopold đề cập trong *Niên lịch miền gió cát* [40]. Ông cho rằng loài người cần có lương tâm sinh thái, xuất phát từ việc thay đổi thế giới quan, từ mối quan tâm con người với con người kéo dài ra đến con người và vạn vật trên trái đất. Chỉ khi con người nhận thức được loài vô tình hay giới hữu tình trên Trái đất đều là một phần tử của *Cộng đồng sinh vật* thì nhân loại mới có thể tôn trọng và bảo vệ chúng được. David Attenborough cũng nhấn mạnh về vai trò của việc giáo dục tự nhiên với trẻ: “Nếu trẻ em không lớn lên trong sự hiểu biết và trân trọng thiên nhiên, các

em sẽ không thể thấu hiểu nó. Và nếu không hiểu, các em sẽ không bảo vệ. Mà nếu các em không bảo vệ tự nhiên, thì ai sẽ làm điều đó?” [41].

Văn học trẻ em thường mang tính giáo dục, các nhà văn khuyến khích trẻ em gắn bó với môi trường, việc tiếp xúc với tự nhiên bao giờ cũng khiến cho tâm hồn phóng khoáng hơn. Khi tốc độ của công nghiệp hóa đang tăng nhanh, khi mà con người đang cuống cuống lao theo những giấc mơ đô thị thì những nhân vật gắn bó với đất đai gần như là bản năng của những chàng trai mới lớn như Nhâm, Năng (*Thương nhớ đồng quê, Chấn trâu cắt cỏ*, Nguyễn Huy Thiệp)... là những trang viết tuyệt vời về niềm yêu lao động, vừa nhọc nhằn vừa đầy chất thơ. Nhâm tự bạch “Tôi sinh ra ở làng quê, lớn lên ở làng quê”. Công việc của Nhâm “kín hết chỗ từ sớm đến khuya”, những công việc thực sự cực nhọc. Dù nhọc nhằn nhưng cũng đầy mộng mơ, gắn bó với tự nhiên, Nhâm cảm thấy thanh thản qua cái huyền diệu của tạo hóa “Vũ trụ mở ra, vô cùng vô tận (...) có khả năng an ủi, âu yếm đến từng số phận. Điều ấy khiến tôi an lòng” (Nguyễn Huy Thiệp, 1996, pp. 322, 334). *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần) là một câu chuyện đầy chất thơ về một cậu bé khám phá thế giới thiên nhiên bằng trái tim hồn nhiên. Nhắm mắt lại để cảm nhận thế giới, nhắm mắt – nghĩa là loại bỏ những hệ lụy của tri nhận, còn lại sự chính xác mẫu nhiệm của trực giác. Những cảm nhận về thế giới của cậu bé Trí Dũng với người khác cứ như là phép lạ, thực chất lại xuất phát từ quan niệm rất giản dị mà cha cậu đã dạy: “Bạn hãy tưởng tượng, một buổi sáng mờ sương. Bạn vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì” là những cảm giác trong trẻo nguyên sơ về một sinh thái bình yên. Niềm vui giản dị, thuần khiết hòa nhập với thiên nhiên đơn giản như tắm mưa, tìm cỏ cho con dê tưởng tượng hoặc “hái những bông hoa trắng để lên khắp người” [43, pp. 47, 111] thật nên thơ và rất Thiền, ngưng đọng lại ở khoảnh khắc.

Nhấn mạnh đến mối quan hệ bạn bè thân thiết giữa con người và thiên nhiên, trong các câu chuyện viết về thiếu nhi nhiều nhà văn xây dựng hình tượng những đứa trẻ cô độc, bị tổn thương, mặc cảm thân phận thường tìm đến thế giới tự nhiên để được an ủi. Có gương mặt xinh đẹp thánh thiện nhưng cô có đôi chân tật nguyền. Mặc cảm về bản thân, cô làm bạn với gốc cây xù xì, cảm thấy được nương tựa và che chở (*Như gốc gọi xù xì*, Hà Thị Cẩm Anh). *Ngồi khóc trên cây* (Nguyễn Nhật Ánh) kể về cô bé (tên Rùa) vì những cú sốc lớn trong đời lúc mười tuổi: ba mất, mẹ bỏ đi để em lại cho ông bà nội nuôi nên em ốm nặng nằm một mình trên giường bệnh 4 năm. Trong bốn năm dài ấy chỉ có bạn bè là những loài vật xung quanh làm bạn. Vì thế, cô bé có thể nghe và trò chuyện cùng loài vật: “con ngỗng thường quần quanh bên ao rau muống, con sóc hay trèo lên trèo xuống cây dừa sau vườn, rồi con chào mào mới về làm tổ trên ngọn tre trước ngõ nhà nó. Con Rùa còn liệt kê thêm nhiều nữa. Nó còn một lô bạn trong rừng, trong đó có một con khỉ thỉnh thoảng vẫn chạy ra chơi với nó” [44, p. 28]. Tác phẩm thể hiện niềm tin của ông vào khả năng chữa lành bệnh của tự nhiên. Những người bạn của tự nhiên đã cứu Rùa thoát khỏi bệnh trọng và đến lượt mình, Rùa trở thành thiên thần cứu chữa cho những con thú bị thương bằng thảo dược cô tìm được trong rừng. Cảm thương cho những con vật bị sập bẫy, cô bé Rùa vẫn thường vào rừng gỡ những cái bẫy của thợ săn. Hành động dũng cảm của Rùa định vị trẻ em là những công dân sinh thái, là những người sẽ đấu tranh cho công bằng môi trường. Cuốn sách là một tấm gương không chỉ cho những bạn đọc nhỏ tuổi mà cả những người lớn, buộc chúng ta phải nhận thức được rằng cần tạo nên những thay đổi khi những người thợ săn trong làng bỏ nghề. Tâm hồn yêu thương thuần khiết của Rùa với loài vật, thế giới hang động bí mật phía sau thác nước, nơi chỉ có Rùa và những loài vật sống yên bình, nhẹ nhõm là một thế giới cô tịch dịu dàng của một ước mong về một không gian yên ấm, an lành, vô ưu cho loài vật đã biến mất trên thế giới này.

Các nhà phê bình sinh thái tìm trở lại các lý thuyết của các tôn giáo phương Đông để nhắc nhở con người về việc cần tôn trọng sinh mệnh tự nhiên. Tư tưởng “bất nhị” của Phật Pháo tự thân nó đã chứa đựng triết lý sinh thái bởi việc phân biệt vật – ta là đầu mối của mọi sinh li, giết hại. Quan niệm luân hồi với những tiền kiếp làm chim, cá, hổ, cây... có thể không giải quyết được tình trạng khủng hoảng sinh thái nhưng niềm tin về một thời đại “con người và động vật sống bên

nhau, thậm chí trò chuyện với nhau” hẳn sẽ giúp con người đối xử với tự nhiên không phải như “một tên bạo chúa”. Trở về với luân lý truyền thống phương Đông Phật giáo là một giải pháp của việt tái thiết sinh thái. Phật giáo nhấn mạnh sự tôn trọng đối với sinh mệnh khác. “Tất cả chúng sinh đều có ân với mình, làm sao có thể giết chúng để ăn? Giết hại sinh mệnh tức là tạo nghiệp ác, nhất định sẽ nhận lấy báo quả sinh tử” [45, p. 295]. Trong truyện *Tre nở hoa* của Quế Hương, Tú yêu động vật bằng bản năng tự nhiên và trong trẻo. Từ nhỏ, Tú đã coi chó như bạn bè thân thiết. Khi cha định bán con Vá, cô bé không ngần ngại mở chuồng, dứt khoát bảo nó chạy đi, vì quan niệm “chó là con vật có tình nghĩa”. Tình yêu mang tính bản năng của Tú khẳng định mối quan hệ “liên loài”, là một hành động vượt ra khỏi chuẩn mực *nhân loại trung tâm*, thể hiện điển ngôn về đạo đức sinh thái – nơi tình yêu thương và sự đồng cảm với muôn loài trở thành tiêu chuẩn nhân tính. Tình yêu động vật không di dịch còn có sức mạnh cảm hóa. Xuất thân từ một gia đình hành nghề thịt chó, Tuệ từng xem việc sát sinh như kẻ sinh nhai. Tuy nhiên, chứng kiến hành động can đảm của Tú, một cô gái gầy gò, bé nhỏ nhưng quyết liệt trong việc cứu lấy sự sống của con chó, Tuệ bừng tỉnh. Anh từ bỏ nghề, đồng thời giữ trọn tình yêu lặng thầm, tôn thờ đối với Tú như một phần cứu rỗi của đời mình. Tuệ “anormal” là biểu tượng cho khả năng thức tỉnh đạo đức sinh thái để tái thiết mối quan hệ với động vật trên nền tảng từ bi và tình thương “một người yêu vô lượng, một gã đồ tể buông cây dao trong tâm” [46, p. 142]. Đạo Phật là thức tỉnh. Thức tỉnh để tìm ra con đường sáng, những giải pháp để sống hài hòa với vạn vật xung quanh, để yên ổn và hạnh phúc. Sự chuyển hóa này cho thấy tình yêu thương động vật không chỉ cứu rỗi bản thân Tú, mà còn có khả năng định hình lại hệ giá trị của cộng đồng nhân loại. Sự chuyển hóa của Tuệ càng trở nên ý nghĩa khi đặt bên cạnh hình ảnh người cha - cả đời buôn bán, giết mổ chó, cuối cùng chịu quả báo “Ông như bị chó nhập, mỗi ngày thêm giống chúng từ điệu bộ đến dáng vẻ” [46, p. 138]. Hình phạt “hóa chó” mang tính siêu nhiên là một kiểu cảnh báo: khi con người vi phạm nguyên tắc đạo đức sinh thái, biến động vật thành đối tượng bị bóc lột và sát hại, chính họ sẽ gánh chịu sự tha hóa và hủy diệt. Tác phẩm phơi bày một dạng “công lý sinh thái” (ecological justice), nơi sự tàn bạo với loài vật dẫn đến hậu quả tất yếu cho con người.

Con người vốn là loài hữu tử, sinh li tử biệt tạo nên những khoảng trống khó có thể khóa lấp. Đối diện với cái chết của người thân yêu, nhiều nhân vật đã tìm về thiên nhiên để chữa lành. Gia đình Nhâm phải chịu cú sốc tinh thần khi hai em Minh và Mị bị tai nạn ô tô cán chết trên đường đi học (*Thương nhớ đồng quê*, Nguyễn Huy Thiệp). Ông nội qua đời, lần đầu tiên cậu bé Trí Dũng cảm nhận về cái chết (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, Nguyễn Ngọc Thuần). Đám tang với nghi thức đi qua cánh đồng như một phần an ủi với người sống và người chết. Bởi qua không gian ấy, mối tương giao giữa những người nông dân hiện diện lên ở đó. Cánh đồng làm sống dậy ký ức về người thân, làm dịu đi, giúp nguôi quên về những nỗi đau mà vết thương cứ ngoáy mãi. Cánh đồng vừa là không gian sống vừa là kỉ niệm, là tâm hồn của mỗi nhân vật. Ông nội “yêu cánh đồng như yêu ngôi nhà của mình”, bố “vui khi nhìn thấy cánh đồng. Một ngày không ra đồng, bố thấy buồn quay quắt” “Bố tôi rất hạnh diện vì chưa bao giờ ra khỏi làng” [43, p. 103]. Chăm sóc cánh đồng mỗi ngày với một tâm thái tự do và đủ đầy, đó mới là bản chất nông nghiệp thực thụ. Khi đã tìm được hạnh phúc viên mãn của mình rồi, đâu cần tìm kiếm nơi khác làm gì? Điều này có vẻ lạ lẫm với số đông, kì thực đó là ý niệm về hạnh phúc. “Cánh đồng như là căn nhà lớn nhất thế giới” là ý tưởng về sự gắn kết cuộc đời, tâm hồn, số phận của mỗi người với đất đai. Do vậy, khi các nhân vật rời bỏ thế gian, đám tang của họ bao giờ cũng thực hiện bằng nghi lễ đi qua đồng “khi nội tôi mất, những người trong làng phải khiêng cái hòm đi qua từng ruộng lúa rồi mới đem chôn” (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*), đám tang Minh và Mị được coi là “đám ma trình nữ trên đồng” (*Thương nhớ đồng quê*)... Dòng sông trong truyện *Nhớ sông* (Nguyễn Ngọc Tư) không chỉ là không gian sinh tồn mà còn gắn bó mật thiết với ký ức bất hạnh và nỗi đau. Sông trở thành vết hằn ký ức không thể phai mờ, bởi đó là nơi người mẹ vĩnh viễn nằm xuống trong cái chết bi thương. Sự kiện đau lòng đã tạo nên một mối ràng buộc bền chặt giữa ba cha con với dòng sông - vừa là nơi nương náu của kẻ sống, vừa là chốn yên nghỉ của người đã khuất: “Sau này, khi vợ chết, không hoàn toàn vì miếng ăn mà cả nhà ông Chín trôi dạt hết dòng sông này đến con kinh

kia. Ở đáy con sông nào đó, còn là nơi gởi gắm xương thịt của người đàn bà xấu số - má Giang" [31, p. 155]. Thiên nhiên chữa lành nỗi mất mát người thân, giúp mỗi người cảm thấy bớt cô đơn giữa cõi đời mênh mông: “nơi cư trú” (dwelling) không phải là một trạng thái nhất thời thoáng qua mà hơn thế nữa, nó ngụ ý về những thời kì dài chông xếp lên nhau của mỗi người với không gian của kí ức, tổ tiên và cái chết, của lễ nghi, cuộc sống và công việc” [47, p. 108].

3. Kết luận

Bài viết cho thấy văn học Việt Nam đương đại viết về thiếu nhi đã thiết lập một diễn ngôn sinh thái độc đáo, qua đó phản tư sâu sắc về vị thế mong manh của trẻ em trong thế giới hiện đại. Trẻ em là dễ chịu tổn thương từ nhiều phía trong một xã hội đầy bất trắc. Tự sự sinh thái của văn học Việt Nam đương đại đã phơi bày tình trạng “bị mất lời” của trẻ nhỏ khi sống trong bầu khí quyền của văn hóa gia trưởng mà *nam giới là trung tâm* và tình trạng bên lề của thế giới tự nhiên trong diễn ngôn *nhân loại là trung tâm*. Nghiên cứu này làm rõ cơ chế “mất lời” như một hình thái ngôn ngữ của chấn thương. Chuyển mã phát ngôn từ vị trí của loài vật hoặc từ cảm thức phi nhân loại như một chiến lược tự sự nhằm phục hồi tiếng nói khi trẻ em và tự nhiên cùng bị tổn thương và không thể phát ngôn theo cách thông thường. Bài viết chỉ ra cấu trúc chông lớp của thương tổn khi khủng hoảng sinh thái và tổn thương tinh thần giao nhau. Chấn thương kép biểu hiện ở sự lặp lại những mất mát mà ở đó có sự đồng hiện của nỗi đau con người (human) với thế giới phi nhân loại (nonhuman). Văn học sinh thái đương đại, thông qua hình tượng trẻ em, đã đặt vấn đề đạo đức sinh thái như một yêu cầu cấp thiết. Những nhân vật nhỏ tuổi với tâm hồn nguyên sơ, khả năng đồng cảm sâu sắc với loài vật và cỏ cây, đã thể hiện tinh thần của chủ nghĩa nhân văn sinh thái (ecological humanism): biết lắng nghe, biết trân trọng, biết gìn giữ sự sống, che chở thế giới tự nhiên, nhìn vào vạn vật để điều chỉnh đạo đức của mình. Bằng cách đề xuất những mẫu hình nhân cách hướng tới sự hòa điệu với môi trường, khẳng định hệ hình đạo đức sinh thái như một con đường chữa lành được văn học kiến tạo thông qua hình tượng trẻ em với khả năng đồng cảm và tái kết nối với tự nhiên thông qua sự thấu cảm liên loài và hành vi bảo vệ sự sống, văn học thiếu nhi Việt Nam đương đại nhắc nhở một nhiệm vụ mang tính vĩnh cửu: tôn trọng quy luật của tự nhiên như nền tảng cho sự tồn tại và an sinh của nhân loại.

***Ghi chú:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài: “Văn xuôi của các nhà văn nữ sau năm 1975 từ góc nhìn sinh thái nữ quyền”, mã số: T2024-TN-07 do TS Trần Thị Ánh Nguyệt làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C Caruth, (2018), “Vết thương và giọng nói”. Hải Ngọc dịch "hải ngọc's Weblog," 8 12 2012. [Online]. Available: <https://hieutn1979.wordpress.com/2012/12/08/cathy-caruth-vet-thuong-va-giong-noi/>.
- [2] A Gotlib, (2021), "Chấn thương và chuyện kể", Hải Ngọc dịch,," 1 3 2021. [Online]. Available: <https://hieutn1979.wordpress.com/2021/01/03/anna-gotlib-chan-thuong-va-chuyen-ke/>.
- [3] Hartman GH, (1994). *Holocaust Remembrance: The Shapes of Memory*. Oxford & Cambridge: Blackwell.
- [4] Caruth C, (1995). *Trauma: Explorations in memory*. Baltimore and London: John Hopkins.
- [5] Stephen Owen DD, (2016). *Lí thuyết và ứng dụng lí thuyết trong nghiên cứu văn học, Trần Hải Yến (biên tập)*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
- [6] Amorok T, (2007). “The Eco-Trauma and Eco-Recovery of Being.” . In *Shift: At the Frontiers of Consciousness 15 (June–August 2007)* (pp. 28–31).
- [7] Narine A, (2015). *Eco-trauma cinema*. New York: Routledge.

- [8] Reynolds K, (2024). *Nhập môn văn học trẻ em*, Phạm Phương Chi, Nguyễn Thanh Hương, Nguyễn Thị Diệu Linh dịch. Hà Nội: Văn học.
- [9] LT Anh, (2014). *Từ trường hợp Đoàn Minh Phượng, nghĩ về văn học chấn thương Việt Nam và quan điểm nghiên cứu*., Retrieved 8 20, 2025, from Khoa Văn học: <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nguyen-cuu/ly-luan-va-phe-binh-van-hoc/4617-t-trng-hp-oan-minh-phng-ngh-v-vn-hc-chn-thng-vit-nam-va-qun-im-nghien-cu.html>
- [10] CK Lan, (2019). Chấn thương kép trong Thân phận của tình yêu của Bảo Ninh. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 2(564), 22-43.
- [11] ĐP Lan, (2024). “Chấn thương di dời” trong một số truyện ngắn Việt Nam hải ngoại sau 1975. Retrieved from Hội Nhà Văn Việt Nam: <https://vanvn.vn/chan-thuong-di-doi-trong-mot-so-truyen-ngan-viet-nam-hai-ngoai-sau-1975/>
- [12] NH Anh, (2024). Hoài niệm và căn tính của cộng đồng di dân Việt Nam trong tác phẩm của Nguyễn Thanh Việt. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 69(1), 64-74. doi:<http://stdb.hnue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=23078>
- [13] NBT Nhân & BT Truyền, (2024). Song đề chấn thương và chữa lành trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ ở Nam Bộ đầu thế kỉ XXI. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 21(5), 896 - 907. doi:[https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.5.4265\(2024\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.5.4265(2024))
- [14] ĐH Oanh, (2022). *Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1975 đến nay từ cách đọc chấn thương, luận án tiến sĩ*. Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [15] LTB Lí, (2013). *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non*. Hà Nội: Đại học Sư Phạm Hà Nội.
- [16] NV Long chủ biên, (2010). *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại*, tập 2. Hà Nội: Đại học Sư Phạm Hà Nội.
- [17] LV Trung, (2024). Cảm quan sinh thái trong truyện viết cho thiếu nhi của Tô Hoài. *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 69(2), 80 - 86. doi:<http://stdb.hnue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=23164>
- [18] TĐN Hương, (2025). *Trình hiện tuổi hoa: một mô thể nghiệm tiếp cận văn học thiếu nhi*. Hà Nội: Văn học.
- [19] TĐN Hương, (2024). Không gian xứ Quảng qua truyện ngắn Nguyễn Nhật Ánh nhìn từ phê bình cảnh quan. In Nhiều tác giả, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Văn học miền Trung nửa sau thế kỷ XX* (pp. 330-346). Huế: Nhà xuất bản Đại học Huế.
- [20] Rato M, (2024). Ecopedagogy, War Memories, and Sensory Experiences of Nature. In C. P. Edited by Ursula K. Heise, *Contemporary Vietnamese Children's Literature. Environment and Narrative in Vietnam* (pp. 165-180). Cham: Springer Nature.
- [21] Hunt; (1994). *An Introduction to Children's Literature*, Peter Hunt ed. London and New York: Routledge.
- [22] Nodelman; (2008). *The Hidden Adult: Defining Children's Literature*. Maryland: Johns Hopkins University Press.
- [23] Nikolajeva, M, (2014). *Reading for Learning: Cognitive Approaches to Children's Literature*. John Benjamins.
- [24] NM Châu, (2009). *Tuyển tập truyện ngắn*. Hà Nội: Văn học.
- [25] LL Oanh, ĐT Doanh, (2010, 11). Tư duy đồng thời trong thơ hiện nay. *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, 190. Retrieved from <https://leluoanh.wordpress.com/2011/05/13/t%c6%b0-duy-d%e1%bb%93ng-tho%e1%ba%a1i-trong-th%e1%bb%87n-nay/>

- [26] Rigby K, (2014). Phê bình sinh thái trong bối cảnh khủng hoảng môi trường toàn cầu”, Đặng Thị Thái Hà dịch. In Hoàng Tố Mai chủ biên, *Phê bình sinh thái là gì ?* (pp. 50-105). Hà Nội: Hội Nhà văn.
- [27] Fontenay ED, (2013). *Khi con vật nhìn ta*, Hoàng Thanh Thủy dịch. Hà Nội: Tri Thức .
- [28] Manes C, (1996). Nature and Silence. In & H. Glotfelty C., *The Ecocriticism Reader: Landmarks in Literary Ecology* (p. 15 30). University of Georgia Press.
- [29] NN Tư, (2009). *Gió lẻ và 9 câu chuyện khác*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [30] Freud, S, (2022). *Nghiên cứu phân tâm học*, Vũ Đình Lư dịch. Hà Nội: Thế giới.
- [31] NN Tư, (2010). *Cánh đồng bất tận*. Thành Phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [32] Caruth C, (1996). *Unclaimed Experience: Trauma, Narrative, History*. Baltimore and London: Johns Hopkins University Press..
- [33] Fukuyama F, (2013). *Tương lai hậu nhân loại: Hậu quả của cách mạng công nghệ sinh học*. Hà Hải Châu dịch. TP Hồ Chí Minh: NXB Trẻ..
- [34] Woolbright L, (2011). *Wounded Planet, Wounded People: The Possibility of Ecological Trauma*. Luận văn thạc sĩ. Đại học Clemson.
- [35] Berger J, (2017). Tại sao phải nhìn những con vật? Đặng Thị Thái Hà dịch và tổng thuật. In In Hoàng Tố Mai chủ biên, *Phê bình sinh thái là gì ?* (pp. 178 - 210). Hà Nội: Hội Nhà văn.
- [36] TD Anh, (2008). *Ngày hội cuối cùng*. Đồng Nai.
- [37] H Phương. Tiếng rừng. In *Truyện ngắn được giải báo Văn nghệ 1995 – 2004*. Trần Huy Quang (tuyển) (pp. 21-36). Hà Nội: Thanh Niên.
- [38] N Hoa, Q Hương, ĐB Thúy, (2006). *Truyện ngắn ba cây bút nữ*. Hà Nội: Phụ nữ.
- [39] NN Tư, (2010). *Khói trời lơng lầy*. Thành phố Hồ Chí Minh: Thời đại.
- [40] Leopold A, (2020). *Niên lịch miền gió cát*, Dương Mạnh Hùng dịch. Thành phố Hồ Chí Minh: Lao động - Xã hội.
- [41] Attenborough D, (Director), (2014). *Conserving Wonder* [Motion Picture]. Retrieved from <https://www.youtube.com/watch?v=ImZhcnIL07s>.
- [42] NH Thiệp, (1996). *Truyện ngắn chọn lọc*, Hà Nội: Hội Nhà văn.
- [43] NN Thuần, (2012). *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [44] NN Ánh, (2022). *Ngồi khóc trên cây*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [45] Vạn Thiện Tiên Tư, (2015). *Khuyên người bỏ sự giết hại*. Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải. Hà Nội: Tôn giáo.
- [46] Q Hương, (2004). *27 truyện ngắn Quế Hương*. Hà Nội: Phụ nữ.
- [47] Garrard G, (2004). *Ecocriticism (The New Critical Idiom)*. Massachusetts: Routledge.